

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành quy định về quy trình “Tiếp nhận
bản công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng”**

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính Phủ về Quản lý Vật liệu xây dựng.

Căn cứ Thông tư 28/2012/TT-BHKCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 10/2017/TT-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

Căn cứ Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

Căn cứ Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành qui định về tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định 60/QĐ-SXD ngày 19/5/2017 của Sở Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng Đồng Nai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quy trình “Tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/5/2018 và thay thế Quyết định 52/QĐ-SXD của Sở Xây dựng ngày 15/5/2017 về việc ban hành quy định về quy trình “Tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý Vật liệu xây dựng và các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở (Đăng Website)
- Lưu: VT, VLXD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
XÂY DỰNG
VIỆT NAM
ĐỒNG NAI
Nguyễn Minh Hoàng

QUY ĐỊNH

**Về quy trình “Tiếp nhận bản công bố hợp quy
sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SXD
ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Sở Xây dựng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng cho việc giải quyết hồ sơ “Tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng có khả năng gây mất an toàn được sản xuất và nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc danh mục do Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư 10/2017/TT-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thành phần hồ sơ đăng ký công bố hợp quy

1. Bản công bố hợp quy:

- Công bố hợp quy phải dựa trên kết quả đánh giá, chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa do công ty sản xuất, doanh nghiệp thực hiện theo Phụ lục 1a kèm theo quy định này.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, doanh nghiệp thực hiện theo phụ lục 1b kèm theo quy định này.

2. Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

3. Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được Bộ Xây dựng chỉ định hoặc thừa nhận cấp kèm theo mẫu dấu hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng;

Điều 4. Quy định nộp, tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đăng ký: lập 02 (hai) bộ hồ sơ công bố hợp quy theo đúng thành phần tại Điều 3 của Quy định này, trong đó 01 (một) bộ hồ sơ nộp

trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Văn thư Văn phòng Sở Xây dựng (sau đây gọi là Văn thư Văn phòng Sở) và 01 (một) bộ hồ sơ lưu giữ tại tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Xử lý hồ sơ công bố hợp quy đối với hồ sơ không đầy đủ theo quy định

Đối với hồ sơ công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định tại Điều 3 của Quy định này, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định đến tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Văn thư Văn phòng Sở gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Sở Xây dựng có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

Điều 6. Xử lý hồ sơ công bố hợp quy đối với hồ sơ đầy đủ theo quy định

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp quy:

1. Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân, công bố hợp quy (theo Mẫu 3. TBTNHS quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy có giá trị theo giá trị của giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được Bộ Xây dựng chỉ định hoặc thừa nhận cấp;

2. Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Sở Xây dựng Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

Điều 7: Quy trình xử lý hồ sơ công bố hợp quy

1. Phòng Quản lý Vật liệu xây dựng để xử lý hồ sơ:

– Kiểm tra thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Điều 3 của quy định này;

– Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp quy:

+ Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ: soạn thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (theo Mẫu 3. TBTNHS quy định tại Phụ lục III Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

+ Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, soạn thảo Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

– Trình Phó Giám đốc Sở;

2. Ký ban hành Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy:

Phó Giám đốc sở phụ trách hoặc Chánh Văn phòng được ủy quyền xem xét, ký duyệt;

3. Văn phòng Sở:

- Kiểm tra thể thức văn bản, đăng ký văn bản đi, photo, đóng dấu.
- Bàn giao kết quả cho Phòng Quản lý Vật liệu xây dựng.
- Đăng tải Thông báo tiếp nhận lên trang thông tin điện tử của Sở.

4. Phòng Quản lý Vật liệu xây dựng lập Phiếu đề nghị thu phí Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy. Chuyển kết quả xử lý và Phiếu đề nghị thu phí đến Văn phòng Sở.

5. Văn phòng Sở trả hồ sơ theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Điều 8. Quy định trả kết quả hồ sơ

1. Tổ chức, cá nhân: Khi đến nhận kết quả phải có giấy giới thiệu của doanh nghiệp (trường hợp không phải là người đại diện doanh nghiệp).

2. Văn phòng Sở:

- Nhận bản Phiếu đề nghị thu phí và Thông báo công bố hợp quy;
- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân đóng lệ phí theo Phiếu chuyển của Phòng Quản lý Vật liệu xây dựng.
- Lệ phí đăng ký: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) theo Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy;
- Giao kết quả Thông báo công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Các biểu mẫu kèm theo quy định này

- Phụ lục 1a (Đối với sản phẩm, hàng hóa do Công ty sản xuất)
- Phụ lục 1b (Đối với sản phẩm, hàng hóa do Công ty nhập khẩu)

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kinh tế - Vật liệu xây dựng, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Xây dựng, Phòng Kinh tế - Vật liệu xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và đề xuất Giám đốc Sở Xây dựng xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

Số (1).....

Tên tổ chức: (2)

Địa chỉ: (3)

Điện thoại: (2) Fax: (3)

E-mail: (4)

CÔNG BỐ:Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...*)

- Tên gọi: (5)

- Kiểu, loại: (6)

- Nhãn hiệu: (7)

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*): (8)Thông tin bổ sung (*phương thức đánh giá sự phù hợp...*): (9)Loại hình đánh giá (*Tổ chức chứng nhận đánh giá: Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận*): (10).....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)..... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày tháng năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân*(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1), (2), (3), (4): Ghi đầy đủ, chính xác thông tin doanh nghiệp.
- (5): Tên gọi: VD: Gạch ốp lát ép bán khô (theo giấy chứng nhận, mục Chứng nhận sản phẩm).
- (6), (7): Ghi theo giấy Chứng nhận của tổ chức đánh giá sự phù hợp được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc thừa nhận.
- (8): VD: QCVN 16:2017/BXD và được phép sử dụng dấu hợp quy (CR).
- (9): VD: Phương thức 5.
- (10): VD: Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, Giấy chứng nhận số 27-11(YMDDN1-MR1-2014) ngày 18/2/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số (1).....

Tên tổ chức: (2)

Địa chỉ: (3)

Điện thoại: (2) Fax: (3)

E-mail: (4)

CÔNG BỐ:

Tên sản phẩm (5)

- Kiểu loại: (6)

- Số lượng và kiểu loại theo khai báo: (7)

- Nhà sản xuất: (8)

- Địa chỉ: (9)

- Thuộc lô hàng nhập khẩu: (10)

+ Hợp đồng số: Ngày:

+ Hóa đơn số: Ngày:

+ Vận đơn số: Ngày:

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số: Ngày:

+ Cửa nhập khẩu: Ngày:

+ Thời gian nhập khẩu: Ngày:

- Doanh nghiệp nhập khẩu: (11)

+ Công ty:

+ Địa chỉ:

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi): (12)

.....

Thông tin bổ sung (phương thức đánh giá sự phù hợp): (13).....

Loại hình đánh giá (Tổ chức chứng nhận đánh giá: Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận): (14).....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)..... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày tháng năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1), (2), (3), (4): Ghi đầy đủ, chính xác thông tin doanh nghiệp.
- (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Ghi theo giấy chứng nhận của tổ chức đánh giá sự phù hợp được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc thừa nhận.
- (12): VD: QCVN 16:2017/BXD và được phép sử dụng dấu hợp quy (CR).
- (13): VD: Phương thức 7.
- (14): VD: Công ty cổ phần chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol, Giấy chứng nhận số 252/VLXD-VNCE ngày 17/2/2017.